

## Phụ lục

**Thủ tục hành chính THADS cải cách áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/QĐ-CTHADS ngày 19/02/2019 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang)

### 1. Xác nhận kết quả THA

#### **Trình tự thực hiện:**

Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan THADS xác nhận kết quả thi hành án.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự, Thủ trưởng cơ quan THADS cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án.

Nội dung của văn bản xác nhận phải thể hiện rõ khoản nghĩa vụ theo bản án, quyết định, nghĩa vụ phải thi hành theo quyết định thi hành án và kết quả thi hành án cho đến thời điểm xác nhận.

Kết quả thi hành án được xác nhận thể hiện việc đương sự đã thực hiện xong toàn bộ hoặc một phần quyền, nghĩa vụ của mình theo quyết định thi hành án hoặc thi hành xong nghĩa vụ thi hành án của từng định kỳ trong trường hợp việc thi hành án được tiến hành theo định kỳ.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án (Mẫu D10-THADS).

*Theo mẫu đơn nêu trên, hồ sơ kèm theo đơn đề nghị còn có:*

- Bản án, Quyết định;
- Quyết định thi hành án;
- Tài liệu có liên quan khác.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự, Thủ trưởng cơ quan THADS cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án. Đối với những trường hợp đương sự ở xa thì giải quyết trong ngày.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đương sự (cá nhân, tổ chức) hoặc thân nhân của đương sự.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục THADS, Chi cục THADS

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận kết quả thi hành án.

**Lệ phí (nếu có):** Không.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án (Mẫu D10-THADS).

**Căn cứ pháp lý:**

- Luật THADS số 26/2008/QH12; Luật THADS số 64/2014/QH13

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS.

- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Về việc xác nhận kết quả thi hành án**

Kính gửi: Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự .....

Họ và tên người đề nghị (trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền và một trong các giấy tờ sau đây: căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú): .....

Địa chỉ: .....

Theo Bản án, Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Tòa án ..... và Quyết định thi hành án số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự ..... thì ông (bà) .....

địa chỉ: .....

Các khoản phải thi hành:

.....

.....

Các khoản đã thi hành được:

.....

.....

Các khoản chưa thi hành:

.....

.....

Đề nghị xác nhận:

.....

.....

Các tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....
- Quyết định thi hành án số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự
- Tài liệu có liên quan khác .....

..... ngày .... tháng .... năm 20.....

**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

## **2. Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên**

### **Trình tự thực hiện:**

Đương sự có văn bản gửi Thủ trưởng cơ quan THADS đang thụ lý vụ việc, trong đó nêu rõ lý do và căn cứ của việc yêu cầu thay đổi Chấp hành viên. Trường hợp Chấp hành viên đang thi hành vụ việc là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thì đương sự gửi văn bản đến Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự cấp trên trực tiếp.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thay đổi Chấp hành viên, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc cơ quan quản lý thi hành án dân sự cấp trên phải xem xét, quyết định thay đổi Chấp hành viên; trường hợp không có căn cứ thay đổi Chấp hành viên thì trả lời bằng văn bản cho người đã có yêu cầu thay đổi Chấp hành viên và nêu rõ lý do.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị thay đổi Chấp hành viên (Mẫu số D 05-THADS).
- Tài liệu kèm theo (nếu có).

**Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thay đổi Chấp hành viên.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Đương sự (cá nhân, tổ chức).

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục THADS / Chi cục THADS

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thay đổi Chấp hành viên; trường hợp không có căn cứ thay đổi Chấp hành viên thì trả lời bằng văn bản cho người đã có yêu cầu thay đổi Chấp hành viên và nêu rõ lý do.

**Lệ phí (nếu có):** Không.

### **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị thay đổi chấp hành viên (Mẫu số D 05-THADS).

### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi Chấp hành viên trong trường hợp sau đây:

- Thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật THADS. Cụ thể:

Thực hiện việc thi hành án liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân và những người sau đây:

a) Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Chấp hành viên, của vợ hoặc chồng của Chấp hành viên;

c) Cháu ruột mà Chấp hành viên là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì.

- Chấp hành viên đã tham gia với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng trong cùng vụ án đó;

- Chấp hành viên chậm trễ giải quyết việc thi hành án;

- Có căn cứ khác cho rằng Chấp hành viên không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật THADS số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2014/QH13.

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS.

- Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Về việc thay đổi Chấp hành viên**

Kính gửi:.....

Họ tên người yêu cầu(trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền và một trong các giấy tờ sau đây: căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú):.....Địa chỉ.....

Chấp hành viên.....  
có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng.....  
năm ..... của Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự.....:

Đối với:

Người phải thi hành án .....

địa chỉ: .....

Người phải thi hành án .....

địa chỉ: .....

Nội dung yêu cầu:

.....  
.....  
.....

Lý do yêu cầu:

.....  
.....  
.....

**Các tài liệu kèm theo**

.....  
.....

..... ngày .... tháng .... năm 20.....

**Người yêu cầu**

*(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)*

### **3. Quyết định thi hành án theo yêu cầu**

#### **Trình tự thực hiện:**

- Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn qua bưu điện. Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan.

Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

Trường hợp người yêu cầu trực tiếp trình bày bằng lời nói thì cơ quan thi hành án dân sự phải lập biên bản, có chữ ký của người lập biên bản; biên bản này có giá trị như đơn yêu cầu.

- Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan THADS phải kiểm tra nội dung yêu cầu và các tài liệu kèm theo, vào sổ nhận yêu cầu thi hành án và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu.

- Cơ quan THADS từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

- Thời hạn ra quyết định thi hành án theo yêu cầu là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

#### **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn yêu cầu thi hành án hoặc biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án (*Mẫu số D 04-THADS*);

- Bản án, quyết định và tài liệu khác có liên quan.

\* Ngoài các tài liệu trên:

- Người yêu cầu thi hành án quá hạn nộp kèm theo tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn. Tài liệu chứng minh gồm:

+ Đối với trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc do đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế hoặc do trở ngại khách quan xảy ra tại địa phương nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú cuối cùng hoặc nơi cư trú khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp quy định tại các Điều b, c, d, đ và e Khoản 4 Điều 4 Nghị định 62/2015/NĐ-CP;

+ Đối với trường hợp tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có tóm tắt hồ sơ bệnh án được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp huyện trở lên xác nhận và tài liệu kèm theo, nếu có;

+ Đối với trường hợp do yêu cầu công tác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc giấy cử đi công tác của cơ quan, đơn vị đó;

+ Đối với trường hợp do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan đã ra bản án, quyết định, cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

+ Đối với trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa đối với tổ chức phải thi hành án thì phải có xác nhận của cơ quan ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa.

+ Đối với các trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan khác nên không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu hợp pháp khác để chứng minh.

Xác nhận của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải thể hiện rõ địa điểm, nội dung và thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.

- Đối với trường hợp đã trả đơn yêu cầu thi hành án trước ngày 01/07/2015 yêu cầu thi hành án phải kèm theo quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án, tài liệu khác có liên quan. Trường hợp không còn quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án, người được thi hành án có quyền đề nghị cơ quan thi hành án đã ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án xác nhận về việc đã trả đơn và thụ lý giải quyết việc thi hành án.

**Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án. Đối với trường hợp phức tạp thì không quá 05 ngày làm việc theo quy định.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người được thi hành án, người phải thi hành án hoặc người được ủy quyền (cá nhân).

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục THADS/Chi cục THADS.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định THADS.

**Phí, Lệ phí (nếu có):**

*\* Theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ, người được thi hành án phải nộp phí thi hành án khi được nhận tiền, tài sản với mức phí sau đây:*

*a) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định đến 5.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án là 3% số tiền, giá trị tài sản thực nhận;*

*b) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án là 150.000.000 đồng cộng với 2% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 5.000.000.000 đồng;*

*c) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 7.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án là 190.000.000 đồng cộng với 1% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 7.000.000.000 đồng;*



d) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án là 220.000.000 đồng cộng với 0,5% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 10.000.000.000 đồng;

đ) Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 15.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án là 245.000.000 đồng cộng với 0,01% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 15.000.000.000 đồng.

\* Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án và chứng kiến các đương sự thỏa thuận tự giao, nhận tiền, tài sản cho nhau thì phải chịu 1/3 mức phí thi hành án quy định tại Khoản 1 Điều 46 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn yêu cầu thi hành án (Mẫu số D 04-THADS); Biên bản về việc ghi nhận yêu cầu thi hành án (Mẫu số D32-THADS).

### **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

a) Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây:

- Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định; bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Luật này;

- Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án;

- Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

b) Thời hiệu yêu cầu thi hành án

- Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Trường hợp thời hạn thực hiện nghĩa vụ được ấn định trong bản án, quyết định thì thời hạn 05 năm được tính từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

Đối với bản án, quyết định thi hành theo định kỳ thì thời hạn 05 năm được áp dụng cho từng định kỳ, kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn.

- Đối với các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của Luật này thì thời gian hoãn, tạm đình chỉ không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp người được thi hành án đồng ý cho người phải thi hành án hoãn thi hành án.

- Trường hợp người yêu cầu thi hành án chứng minh được do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn thì thời gian có trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án.

### **Căn cứ pháp lý:**

- Luật THADS số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2014/QH13.

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS.

- *Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự;*

- *Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC Quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN**

Kính gửi: Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự .....

Họ và tên người yêu cầu thi hành án (trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền và một trong các giấy tờ sau đây: căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú) .....  
địa chỉ: .....

Họ và tên người được thi hành án .....  
địa chỉ: .....

Họ và tên người phải thi hành án .....  
địa chỉ: .....

**1. Nội dung yêu cầu thi hành án:**

.....  
.....  
.....  
.....

**2. Thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có)**

.....  
.....  
.....

**3. Các tài liệu kèm theo**

- Bản án, Quyết định số ..... ngày ... tháng .... năm ..... của .....
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).
- Tài liệu có liên quan khác .....

..... ngày .... tháng .... năm 20.....

**Người yêu cầu thi hành án**  
(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BIÊN BẢN**  
**Về việc ghi nhận yêu cầu thi hành án**

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự .....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà): ....., chức vụ: Chấp hành viên,

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):.....

Lập biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án của:

Ông (bà):....., địa chỉ:.....

trình bày như sau:.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Ý kiến của Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự:

.....  
.....  
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành ....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên.

**CHẤP HÀNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI YÊU CẦU THI HÀNH ÁN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **4. Đề nghị miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu, nộp ngân sách nhà nước**

##### **Trình tự thực hiện:**

- Người phải thi hành án xét thấy đủ điều kiện để được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu, nộp ngân sách nhà nước có đơn đề nghị xét miễn, giảm gửi cơ quan THADS trực tiếp thi hành việc thi hành án;

- Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chấp hành viên xác minh điều kiện để lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án; Nếu xét thấy người phải thi hành án chưa đủ các điều kiện quy định thì cơ quan Thi hành án dân sự thông báo cho người phải thi hành án đã có đơn đề nghị xét miễn, giảm thi hành án biết và không phải tiến hành xác minh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác minh:

+ Nếu người phải thi hành án không đủ điều kiện cơ quan THADS phải thông báo bằng văn bản cho người phải thi hành án đã có đơn đề nghị xét miễn, giảm thi hành án, nêu rõ lý do chưa đủ điều kiện xét miễn, giảm.

+ Nếu người phải thi hành án đủ điều kiện xét miễn, giảm thi hành án, Chấp hành viên lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án, báo cáo Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự để chuyển Viện kiểm sát cùng cấp thực hiện kiểm sát theo quy định pháp luật

- Vào đầu của mỗi tháng, cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án được lập trong tháng trước để Viện kiểm sát cùng cấp kiểm sát theo quy định pháp luật

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét và chuyển lại hồ sơ cho cơ quan Thi hành án dân sự kèm theo văn bản nêu rõ ý kiến của Viện kiểm sát về hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm; đối với trường hợp xét miễn, giảm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC, nếu nhất trí với hồ sơ thì Viện kiểm sát chuyển hồ sơ cho Tòa án kèm theo văn bản của Viện trưởng Viện kiểm sát đề nghị miễn, giảm thi hành án và thông báo cho cơ quan Thi hành án dân sự đã lập hồ sơ; nếu không nhất trí thì trả lại hồ sơ cho cơ quan Thi hành án dân sự.

Viện kiểm sát có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự giải thích những điểm chưa rõ hoặc bổ sung giấy tờ cần thiết. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, nếu cơ quan Thi hành án dân sự không giải thích hoặc bổ sung giấy tờ cần thiết thì Viện kiểm sát trả lại hồ sơ cho cơ quan Thi hành án dân sự.

- Đối với việc xét miễn, giảm thi hành án quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự; xét miễn phần án phí còn lại quy định tại Khoản 4 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự, căn cứ ý kiến nhất trí bằng văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan Thi hành án dân sự đề nghị Tòa án có thẩm

quyền quy định tại Khoản 1 Điều 63 Luật Thi hành án dân sự (sau đây gọi là Tòa án có thẩm quyền) xét miễn, giảm thi hành án.

- Đối với việc xét miễn tiền phạt quy định tại Khoản 4 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự, xét giảm việc chấp hành phần tiền phạt còn lại đối với người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Hình sự thì thủ tục đề nghị xét miễn, giảm thực hiện như sau:

+ Trường hợp việc thi hành án đang do cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện tổ chức thi hành thì căn cứ hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm của cơ quan Thi hành án dân sự, Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền đề nghị Tòa án xét miễn, giảm thi hành án;

+ Trường hợp việc thi hành án đang do cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan Thi hành án cấp quân khu tổ chức thi hành, căn cứ ý kiến nhất trí bằng văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan Thi hành án cấp quân khu chuyển hồ sơ đề Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền đề nghị Tòa án xét miễn, giảm thi hành án.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án, Chánh án Tòa án có thẩm quyền xét miễn, giảm thi hành án phân công một Thẩm phán thụ lý hồ sơ và giải quyết việc xét miễn, giảm thi hành án. Thẩm phán được phân công có quyền yêu cầu Viện kiểm sát hoặc cơ quan Thi hành án dân sự giải thích những điểm chưa rõ hoặc bổ sung giấy tờ cần thiết trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, nếu cơ quan được yêu cầu không giải thích hoặc bổ sung giấy tờ cần thiết thì Thẩm phán trả lại hồ sơ cho cơ quan đã đề nghị.

Trường hợp hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm bị Tòa án trả lại do chưa đầy đủ hoặc thực hiện không đúng thủ tục, Viện kiểm sát hoặc cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét trong kỳ xét miễn, giảm gần nhất.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phải mở phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định về việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, Tòa án phải gửi quyết định đó cho người được xét miễn, giảm thi hành án, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp, cơ quan thi hành án dân sự đã đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, trại giam, trại tạm giam nơi người được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước đang chấp hành hình phạt tù.

**Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

**Thành phần hồ sơ:** Đơn đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:**

- 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị phải tiến hành xác minh.

- 05 ngày, kể từ ngày có kết quả xác minh cho thấy không đủ điều kiện phải thông báo cho người đã có đơn đề nghị.

- Vào tuần đầu của mỗi tháng, cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án được lập trong tháng trước để Viện kiểm sát cùng cấp kiểm sát theo quy định pháp luật .

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét và chuyển lại hồ sơ cho cơ quan Thi hành án dân sự.

- Thời hạn cơ quan THADS chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền xem xét: Chưa được quy định cụ thể.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án, Tòa án phải thụ lý hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thi hành án, Chánh án Tòa án có thẩm quyền xét miễn, giảm thi hành án phân công một Thẩm phán thụ lý hồ sơ và giải quyết việc xét miễn, giảm thi hành án.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phải mở phiên họp xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người phải thi hành án thuộc diện được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Tòa án có thẩm quyền.

- *Cơ quan phối hợp:* Cục THADS / Chi cục THADS; Viện KS.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** *Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu, nộp ngân sách nhà nước.*

**Lệ phí (nếu có):** Không.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

\* Người phải thi hành án được xét miễn nghĩa vụ thi hành án khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Không có tài sản hoặc có tài sản nhưng tài sản đó theo quy định của pháp luật không được xử lý để thi hành án hoặc không có thu nhập hoặc có thu nhập chỉ bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho người phải thi hành án và người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng;

b) Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước có giá trị dưới 2.000.000 đồng hoặc hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng.

\* Người phải thi hành án đã thi hành được một phần khoản thu nộp ngân sách nhà nước được xét miễn thi hành phần nghĩa vụ còn lại khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 61 Luật THADS;

b) Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị dưới 5.000.000 đồng hoặc hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng.

\* Người phải thi hành án đã thi hành được một phần khoản thu nộp ngân sách nhà nước mà thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều Điều 61 Luật THADS thì được xét giảm một phần nghĩa vụ thi hành án khi có một trong các điều kiện sau đây:

a) Hết thời hạn 05 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần tư số tiền còn lại phải thi hành án;

b) Hết thời hạn 10 năm, kể từ ngày ra quyết định thi hành án mà phần nghĩa vụ còn lại có giá trị từ trên 100.000.000 đồng, mỗi lần giảm không quá một phần năm số tiền còn lại phải thi hành án nhưng tối đa không quá 50.000.000 đồng.

\* Người phải thi hành án đã tích cực thi hành được một phần án phí, tiền phạt nhưng lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục thi hành được phần nghĩa vụ còn lại hoặc lập công lớn thì được xét miễn thi hành phần nghĩa vụ còn lại.

\* Người phải thi hành án quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 61 Luật THADS chỉ được xét miễn hoặc giảm một lần trong 01 năm đối với mỗi bản án, quyết định.

\* Quyết định thi hành án lần đầu là căn cứ để xác định thời hạn xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án.

\* Các khoản thu, nộp cho ngân sách nhà nước thuộc diện được xét miễn, giảm thi hành án gồm tiền phạt, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, lệ phí Tòa án, tịch thu sung quỹ nhà nước, các khoản thu, nộp khác cho ngân sách nhà nước được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; lãi chậm thi hành án đối với khoản được miễn, giảm (nếu có).

\* Thi hành được một phần khoản thu, nộp ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 hoặc một phần án phí quy định tại Khoản 4 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự là đã thi hành được ít nhất bằng một phần năm mươi khoản thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc khoản án phí phải thi hành theo bản án, quyết định của Tòa án.

Trường hợp người đã được giảm một phần hình phạt tiền mà lại phạm tội mới thì chỉ xét giảm tiếp khi đã thi hành được một phần hình phạt tiền chung theo quy định của Bộ luật Hình sự về giảm mức hình phạt tiền đã tuyên.



*\* Việc miễn phần án phí, tiền phạt còn lại quy định tại Khoản 4 Điều 61 Luật Thi hành án dân sự được thực hiện khi người phải thi hành án có đủ các điều kiện sau:*

*a) Đã tích cực thi hành được một phần án phí quy định tại Khoản 1 Điều này; thi hành được một phần tiền phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự về miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại;*

*b) Lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài hoặc lập công lớn.*

*Người phải thi hành án lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài là người bị giảm sút hoặc mất thu nhập, mất toàn bộ hoặc phần lớn tài sản do tai nạn, ốm đau, thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác dẫn đến không đảm bảo hoặc chỉ đảm bảo được cuộc sống tối thiểu cho bản thân người đó và người mà họ có trách nhiệm nuôi dưỡng từ mười hai tháng trở lên, kể từ thời điểm xảy ra sự kiện đó đến thời điểm xét miễn, giảm thi hành án.*

*Người phải thi hành án lập công lớn là người đã có hành động giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra tội phạm; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác; có phát minh, sáng chế hoặc sáng kiến có giá trị lớn được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.*

#### **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

*- Luật THADS số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2014/QH13.*

*- Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu, nộp ngân sách nhà nước.*

## **5. Thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án**

### **Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thu được tiền, tài sản thi hành án, Chấp hành viên phải thực hiện việc thanh toán tiền, trả tài sản thi hành án.

a) Đối với khoản tiền chi trả cho người được nhận là cá nhân, cơ quan thi hành án dân sự thông báo bằng văn bản yêu cầu người được nhận đến nhận.

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo mà người được nhận tiền không đến nhận nếu họ ở xa trụ sở cơ quan thi hành án dân sự, đã xác định được địa chỉ rõ ràng của họ và khoản tiền có giá trị nhỏ hơn 01 tháng lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định thì cơ quan thi hành án dân sự lập phiếu chi và gửi tiền cho họ qua đường bưu điện. Trường hợp bưu điện trả lại tiền do không có người nhận thì cơ quan thi hành án dân sự xử lý theo quy định tại Khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP. Đối với khoản tiền không đủ điều kiện gửi ngân hàng theo quy định tại Khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP thì cơ quan thi hành án dân sự gửi tiền vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc.

*Trường hợp đương sự trực tiếp đến nhận tiền tại trụ sở cơ quan thi hành án, Chấp hành viên đề nghị kế toán và thủ quỹ thi hành án làm thủ tục chi trả tiền; Trường hợp đương sự ủy quyền cho người khác nhận thay, hồ sơ thi hành án lưu bản chụp giấy ủy quyền, căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; chứng từ kế toán lưu bản chính giấy ủy quyền và bản chụp căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.*

*Trường hợp người được nhận tiền đề nghị chuyển tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản thì Chấp hành viên đề nghị kế toán lập phiếu chi và thực hiện gửi tiền cho đương sự qua bưu điện hoặc chuyển khoản. Cước phí chuyển tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản do người nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận. Giấy chuyển tiền qua bưu điện và phiếu báo nhận tiền (bản chụp) lưu trong hồ sơ thi hành án cùng với phiếu chi, bản chính lưu tại bộ phận kế toán.*

b) Trường hợp người được thi hành án là doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế xã hội thì việc chi trả tiền thi hành án thực hiện bằng chuyển khoản.

Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự thu được tiền thi hành án nhưng chưa kịp gửi vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn quy định mà người được thi hành án cử người đại diện hợp pháp đến nhận thì cơ quan thi hành án dân sự có thể chi trả cho họ bằng tiền mặt.

c) Khi thi hành án tại cơ sở, trường hợp người phải thi hành án và người được thi hành án cùng có mặt, Chấp hành viên có thể chi trả ngay cho đương sự số tiền, tài sản thu được, sau khi đã trừ khoản phí thi hành án. Việc chi trả tiền, tài sản phải lập biên bản ghi đầy đủ thời gian, địa điểm, họ tên đương sự, lý do, nội dung giao nhận, số tiền, tài sản, chữ ký và họ tên của đương sự, Chấp hành viên và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành việc chi trả

tiền, tài sản. Biên bản phải giao cho đương sự, lưu hồ sơ thi hành án và chuyển cho kế toán cơ quan thi hành án dân sự để vào sổ theo dõi.

**Cách thức thực hiện:** *Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.*

**Thành phần hồ sơ:**

- *Thông báo nhận tiền, tài sản của cơ quan THADS*
- *Trường hợp trực tiếp: căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để đổi chiếu (các giấy tờ trên phải là bản chính).*
- *Trường hợp đương sự ủy quyền cho người khác nhận thay: người nhận thay phải có giấy ủy quyền hợp pháp kèm theo một trong các giấy tờ sau đây: căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; (các giấy tờ trên phải là bản chính).*
- *Trường hợp đề nghị gửi tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản: đơn đề nghị gửi tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản.*

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thu được tiền, tài sản thi hành án.

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người được thi hành án hoặc người được ủy quyền (cá nhân, tổ chức).

**Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục THADS, Chi cục THADS.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phiếu chi tiền (nếu chi trực tiếp); hoặc giấy chuyển tiền qua bưu điện, phiếu báo nhận tiền (nếu gửi qua bưu điện); Ủy nhiệm chi (nếu chuyển khoản).

**Lệ phí (nếu có):** Không có lệ phí nhưng nếu đề nghị gửi tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản thì cước phí chuyển tiền qua bưu điện hoặc chuyển khoản do người nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận.

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật THADS số 26/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2014/QH13.

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS.

- *Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.*

- Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC Quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.

- Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.